

KẾT QUẢ THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Năm học 2009 - 2010
<< TOÀN TRƯỜNG >>

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
1	Trần Hữu Viên	PGS,GVC,KG									1										100	
2	Nguyễn Văn Tuấn	PGS,GVC,KG	3																		90	
3	Phạm Xuân Hoàn	PGS,GVC,KG									1										100	
4	Trần Văn Chứ	PGS,GVC,KG	3								1		1								210	
5	Cao Quốc An	GV								1											15	
6	Ngô Minh Điệp	GV	1																		30	
7	Võ Thành Minh	GVC	3	1																	130	
8	Phạm Thị Anh Hồng	GV		1																	40	
9	Lê Xuân Phương	GV	3	1					1				1								190	
10	Nguyễn Văn Thuận	GV	4	1																	160	
11	Trịnh Hiền Mai	GV	1	1	1																120	
12	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	GV	1	1				1													140	
13	Tạ Thị Phương Hoa	GV	1	1				1													85	Đi học không TT
14	Vũ Huy Đại	GV	4																		120	
15	Hoàng Sơn	GV		1		1															110	Đi học không TT
16	Trần Công Chi	GV		1				1													55	
17	Hoàng Tiên Đương	GVC	1	1		1															170	
18	Hoàng Việt	GVC		1																	40	
19	Vũ Khắc Bấy	GVC				1															100	
20	Nguyễn Thị Thu	GV						1													15	Th.sản-Con nhỏ<24t
21	Lê Văn Ngọc	GV		1				1													55	Đi học không TT
22	Phạm Quang Khoái	GV		1																	40	
23	Phan Thị Thiên Thu	KSHDTH		1						1											55	
24	Trần Lâm Trà	KSHDTH						1		1											30	
25	Nguyễn Tất Thắng	KS		1																	40	
26	Lê Thị Kiêm	GVC				1															100	
27	Đinh Thị Thu Hà	GV		2																	80	
28	Nguyễn Thị Lục	GV		1																	40	Đi học không TT
29	Dương Văn Tài	GVC												1							100	
30	Nguyễn Văn Tựu	GV		1													1				70	
31	Đinh Bá Bách	GV		1													1				70	Đi học không TT
32	Phạm Văn Lý	GVC										1									50	
33	Lê Văn Thái	GVC	3			1							1				1				240	
34	Trần Văn Tùng	GV		1				3					1				1				135	Đi học không TT
35	Đặng Thị Hà	GV		1				1													55	Th.sản-Con nhỏ<24t
36	Phạm Quang Thiên	GVC															1				30	
37	Trần Kim Khôi	GV	2					1													130	
38	Trần Kim Khuê	GV	2	2						1											155	
39	Trần Nho Thọ	KSHDTH		1									1								60	Đi học không TT
40	Hoàng Hà	KS		1									1								60	Đi học không TT
41	Nguyễn Văn Quân	KS		1																	40	
42	Vũ Thị Hiền	KSHDTH		1																	40	
43	Bùi Thị Toàn Thư	GV		2																	80	
44	Dương Xuân Núi	GV		2																	80	
45	Lưu Bích Linh	GV		2																	80	
46	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	GV		2																	80	
47	Nguyễn Văn Hoà	GVC		2																	80	
48	Nguyễn Xuân Linh	GV		2																	80	
49	Phùng Văn Khoa	GV,KG	3					1					1								180	
50	Nguyễn Văn Thiết	PGS,GVC,KG	1					2													230	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
51	Đặng Thị Hoa	GV		1									1								60	Đi học không TT
52	Nguyễn Văn Hợp	GV	1	1									1								90	
53	Chu Thị Thu	GV	3																		90	Đi học không TT
54	Võ Mai Anh	GV	1	1																	70	
55	Hoàng Thị Dung	GV		1																	40	Đi học không TT
56	Mai Quyên	GV		1															1		60	
57	Ngô Thị Thủy	GV		1																	40	
58	Nguyễn Thị Tiên	GV		1																	40	Đi học không TT
59	Trần Quang Thắng	GV		1																	40	Đi học không TT
60	Trần Thị Tuyết	GV		1															1		60	
61	Vũ Ngọc Chuẩn	GV		1																	40	Đi học không TT
62	Hồ Thị Xuân Hồng	GV		1																	40	Đi học không TT
63	Nguyễn Thị Lan	GV		1																	40	
64	Nguyễn Thị Thảo	GV		1																	40	
65	Phạm Công Ngọc	GV		1																	40	Đi học không TT
66	Phạm Thị Minh Thương	GV		1																	40	
67	Trần Đình Cát	GV		1																	40	
68	Chu Thị Bình	GV						1													70	
69	Vũ Xuân Định	GV	2	1						1											115	
70	Lê Hùng Chiến	GV								1											15	Đi học không TT
71	Nguyễn Thị Hải Ninh	GV	1																		30	
72	Phạm Thanh Quê	GV	1																		30	
73	Nguyễn Bá Long	GV		1																	40	
74	Phạm Thanh Quê	GV		1																	40	
75	Trần Hữu Đào	GVC	1	1				1													170	
76	Bùi Thị Minh Nguyệt	GV	1	1		1			1												180	
77	Vũ Văn Thịnh	GV		1					1												70	
78	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GV																			15	
79	Phạm Thị Huệ	GV		1																	70	Đi học không TT
80	Trần Thanh Liêm	GV		1																	70	
81	Bùi Thị Sen	GV	1	1																	70	
82	Đặng Thu Hằng	GV		1																	40	
83	Đào Lan Phương	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
84	Hoàng Vũ Hải	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
85	Lê Thị Ngọc Phương	GV		1																	40	
86	Nguyễn Thị Bích Diệp	GV		1																	40	
87	Trần Ngọc Bình	GVC		1																	40	
88	Nam Nhật Minh	GVC									1										100	
89	Phùng Nam Thắng	GV											1								15	
90	Lê Thị Tuyết Hạnh	KSHDTH		1																	40	
91	Vĩ Văn Viện	GV																			20	
92	Nguyễn Hoàng Hương	GV	1																		30	
93	Vũ Nhâm	PGS,GVC											1								100	
94	Vũ Tiên Hình	GS,GVCC											1								260	
95	Vũ Thế Hồng	GV											1								55	
96	Nguyễn Trọng Bình	GVC	1																		70	
97	Đào Thị Hoa Hồng	GV																			20	
98	Vĩ Việt Đức	GV																			20	
99	Phạm Thế Anh	GV	1										1								65	Đi học không TT
100	Lê Tuấn Anh	GV	1										1								65	Đi học không TT
101	Nguyễn Duy Thịnh	GV																			30	
102	Cao Thị Thu Hiền	GV		1																	55	
103	Hồ Văn Giảng	GVC																			220	
104	Vũ Thị Huệ	KSHDTH	2			1															160	
105	Bùi Văn Thắng	GV	1																		155	
106	Vũ Kim Dung	GV																			35	Th.sản-Con nhỏ<24t
107	Nguyễn Như Ngọc	GV																			20	Đi học không TT
108	Hà Bích Hồng	GV																			35	Th.sản-Con nhỏ<24t

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24
109	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	4			1				3		1									285	
110	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSHDTH	1			1				3			1								145	
111	Khuất Thị Hải Ninh	GV	1	1									1								90	
112	Hồ Hải Ninh	GV		1			1						1								75	
113	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV								1											15	Đi học không TT
114	Nguyễn Trọng Trí	GV	1				1														45	
115	Nguyễn Quỳnh Trang	GV		1																	40	
116	Vũ Đại Dương	GV									1										70	
117	Lê Xuân Trường	GV	1									1									80	
118	Đỗ Anh Tuấn	GV	3							1	1		2								215	
119	Trần Thị Yên	GV											1								20	Đi học không TT
120	Phạm Thị Huyền	GVC	5						1	1											205	
121	Phạm Thị Hạnh	GV	1																		30	
122	Trần Thị Mai Sen	GV	1																		30	
123	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV		1																	40	
124	Phạm Thị Hạnh	GV		1																	40	
125	Vũ Thị Hường	GV		1																	40	
126	Nguyễn Đình Hải	GV	2					1		1											145	
127	Trần Bình Đà	GV	3	1									1						3		210	
128	Phạm Quang Vinh	GV			1								1								70	Đi học không TT
129	Bùi Thị Cúc	GV	4	1																	160	
130	Cần Văn Thắm	GV	2																		60	
131	Kiều Trí Đức	GV	4	1																	160	
132	Phạm Thanh Tú	GV	1	1																	70	
133	Trịnh Hải Vân	GV	3	1																	130	
134	Đông Thị Thanh	GV		1																	40	Th.sản-Con nhỏ<24t
135	Hoàng Thị Minh Huệ	GV		1																	40	Đi học không TT
136	Phùng Văn Phê	GV						2		1									2		195	
137	Nguyễn Thị Thơ	GV		1			1			2											85	Th.sản-Con nhỏ<24t
138	Bùi Thị Mai Hương	GV		1					1												80	
139	Nguyễn Thị Khánh	GVC		2						1											95	
140	Phạm Quang Chung	GV		1																	40	
141	Vũ Tiên Hưng	KSHDTH	1							1		1	1								115	
142	Đỗ Thị Quế Lâm	KSHDTH					1			1											30	
143	Lê Thị Khiêu	KSHDTH							1												40	Th.sản-Con nhỏ<24t
144	Nguyễn Văn Thanh	KSHDTH				1															50	
145	Lê Đức Huynh	GVDQP		2																	80	
146	Nguyễn Quang San	GVDTC		1																	40	
147	Nguyễn Quốc Hà	GVDQP		2																	80	
148	Nguyễn Thu Trang	GVDTC		1																	40	
149	Nguyễn Văn Cương	GVDTC		2																	80	
150	Nguyễn Văn Hà	GVDQP		2																	80	
151	Phạm Phi Diệp	GVDTC		2																	80	
152	Phạm Thị Mỹ Hạnh	GVDTC		2																	80	
153	Trần Nho Cương	GVDTC		2																	80	
154	Đặng Thị Thu Hiền	GV		1																	40	Đi học không TT
155	Doãn Văn Hạnh	GVC		2																	80	
156	Nguyễn Thị Hoài	GV		1																	40	Đi học không TT
157	Nguyễn Văn Thắng	GV		2																	80	Đi học không TT
158	Phạm Xuân Hoàng	GV		2																	80	
159	Nguyễn Văn Khương	GV																	1		20	Đi học không TT
160	Bùi Thị Minh Thơm	GV		2																	80	
161	Đỗ Thị Diệu	GV		2																	80	
162	Hoàng Trường Giang	GV		1																	40	Đi học không TT
163	Vũ Thị Hồng Khanh	GV		2																	80	
164	Nguyễn Sỹ Hà	GV,KG		1																	40	
165	Phạm Văn Điển	GVC,KG	2							1	1		1								195	
166	Trần Việt Hồng	GVC,KG											1								20	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	
167	Nguyễn Hữu Cường	GV,KG		1																		40	
168	Bùi Thế Đồi	GV,KG										1										50	
169	Nguyễn Thanh Tân	KS						1														50	
170	Nguyễn Văn An	GVC,KG				1																100	
171	Phạm Văn Chương	PGS,GVC,KG	6							1	1		1									315	
172	Đỗ Thị Ngọc Bích	GVC,KG		1						2												70	
173	Hoàng Ngọc Y	GV,KG								1		1										65	
174	Nguyễn Minh Hùng	KS				1		1				1										150	
175	Nguyễn Văn Quân	GVC,KG									1						1					200	
176	Nguyễn Minh Ngọc	KS				1							1									70	
177	Nguyễn Thế Nhã	PGS,GVC	6					1	1					1								315	
178	Đỗ Thị Kha	GVC	1			1			1													170	
179	Trần Tuấn Kha	GV			1			1		1												80	
180	Đỗ Quang Huy	GVC	1						1	1												145	
181	Nguyễn Đắc Mạnh	GV	1							2												60	
182	Lưu Quang Vinh	GV	4							3											1	205	
183	Đồng Thanh Hải	GV								1												15	
184	Đình Quốc Cường	GVC	4	2		1																300	
185	Vũ Huy Định	GV	2	1					1													115	
186	Lê Thị Thu Hường	GV		2					1													95	
187	Nguyễn Kim Cai	GV		2																		80	
188	Trần Thị Hương	GV	3							1			1									125	
189	Ngô Duy Bách	GV	6		1			1		1												260	
190	Kiều Thị Dương	GV										1										40	Đi học không TT
191	Bùi Văn Năng	GV	5							1												165	Đi học không TT
192	Bê Minh Châu	GVC	4			1				1												235	
193	Trần Ngọc Hải	GV	3										2									230	Đi học không TT
194	Phạm Thanh Hà	GV	2						1													170	Đi học không TT
195	Phạm Thành Trang	GV	4		1					1												205	
196	Phùng Thị Tuyên	GV	3							1												145	Đi học không TT
197	Vương Duy Hưng	GV								1												35	
198	Hoàng Văn Sâm	GV	3		1																	140	
199	Phan Đức Lê	KSHDTH							1													45	
200	Phan Văn Dũng	KSHDTH																				40	
201	Nguyễn Hữu Cường	KSHDTH								1												55	
202	Phan Văn Dũng	KSHDTH								1												15	
203	Vũ Thị Huyền	KSHDTH								1												15	
204	Bùi Mai Hương	KSHDTH		1						1												55	
205	Bùi Đình Đức	KSHDTH								1												15	Đi học không TT
206	Nguyễn Thị Tú Anh	KSHDTH		1				1														55	
207	Nguyễn Thị Tuyết Mai	KSHDTH	2																			60	
208	Nguyễn Thị Ngọc Bích	CV				1																35	
209	Lê Văn Tung	KSHDTH								1	1											105	Đi học không TT
210	Bùi Đình Toàn	KSHDTH							2	1												100	
211	Lại Hợp Phương	KSHDTH		1						1												75	
212	Lê Ngọc Phước	KS		1		1				1												105	Đi học không TT
213	Phạm Quý Lượng	KS		1					2													70	Đi học không TT
214	Đỗ Ngọc Anh	KSHDTH		1																		40	
215	Hoàng Xuân Y	GV,KG								1					1							65	
216	Vũ Duy Đông	GV,KG		1																		40	
217	Trần Quang Bảo	GV,KG	1			1		1														170	
218	Nguyễn Quang Giáp	KS										1										70	
219	Vương Văn Quỳnh	PGS,GVC,KG								1	1						1					255	
220	Vũ Thị Thuận	KSHDTH										2										100	
221	Trần Thị Trang	KS							1													70	
222	Lã Nguyên Khang	KS								1												35	
223	Nguyễn Minh Thanh	KS																				40	
224	Lê Sỹ Doanh	KS							1													50	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	
225	Phan Đức Linh	KS							1	1												55	
226	Nguyễn Việt Hưng	KS								1												15	
227	Lê Thanh Sơn	KS								2												30	
228	Nguyễn Văn Phong	KS							1	1												55	
229	Hoàng Vũ Thơ	KSHDTH																	5			100	Đi học không TT
TỔNG CỘNG			156	139	6	19	29	23	9	74	17	8	62	2	0	1	6	0	13	1	19,520		

Ghi chú

- Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động khoa học nghiên cứu khoa học; bài báo trên thông tin khoa học của Trường (cấp Trường), tạp chí trong nước, tạp chí nước ngoài.
- Chủ trì đề tài, Thư ký, Chủ trì đề tài nhánh đối với đề tài cấp Nhà nước; Chủ trì đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở, cấp Trường được tính theo từng đối tượng (GS, GVCC: 130 giờ; PGS, GVC: 100 giờ; GV: 70 giờ; GVGDQP: 90 giờ; GVGDTC: 70 giờ; KS, KS HDTH: 50 giờ; Trợ giảng: 50 giờ; Thử việc: 30 giờ.).
- Về chế độ miễn giảm:
 - Giảng viên kiêm giảng được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học theo định mức.
 - Cán bộ được cử đi học dài hạn hay đi học tập trung (1 năm trở lên, có quyết định của Hiệu trưởng) được miễn 100% số giờ hoạt động khoa học; cán bộ là nghiên cứu sinh, học viên cao học không tập trung và cán bộ tham gia các lớp học ngắn hạn (từ 6 tháng đến 1 năm, có quyết định của Hiệu trưởng trường ĐHLN) được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học.
 - Cán bộ nghỉ thai sản và có con nhỏ dưới 24 tháng được miễn giảm 20 giờ KHCN.
- Phòng KHCN&HTQT chỉ tính chế độ miễn giảm này đối với những cán bộ thuộc diện trên do Phòng TCCB cung cấp. Đề nghị các cán bộ thuộc các đối tượng trên chưa được tính theo chế độ này liên hệ trực tiếp với Phòng KHCN&HTQT để được tính chế độ miễn giảm giờ hoạt động khoa học cho năm học 2009-2010.